

Số: 53/2017/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP, ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC, ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC, ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số khoản phí, lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh

1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

a) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản, các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu

phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (trừ các đối tượng được miễn thu theo quy định của pháp luật);

b) Mức thu phí:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	QUẶNG KHOÁNG SẢN KIM LOẠI		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng mangan	Tấn	40.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	60.000
4	Quặng vàng	Tấn	225.000
5	Quặng bạc, Quặng thiếc	Tấn	225.000
6	Quặng chì, Quặng kẽm	Tấn	225.000
7	Quặng nhôm	Tấn	20.000
8	Quặng đồng	Tấn	47.500
9	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000
II	KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa, bazan)	m ³	60.000
2	Sỏi, cuội, sạn	m ³	5.000
3	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	3.000
4	Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, fluorit, bentônít và các loại khoáng chất khác)	Tấn	2.000
5	Cát vàng	m ³	4.000
6	Cát trắng	m ³	6.000
7	Các loại cát khác	m ³	3.000
8	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500
9	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	1.750
10	Đất làm thạch cao	m ³	2.500
11	Cao lanh	m ³	6.000
12	Các loại đất khác	m ³	1.500
13	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
14	Đôlômít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	Tấn	25.000
15	Thạch anh kỹ thuật	Tấn	25.000
16	Phốt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	25.000
17	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500
18	A-pa-tít (apatit), sericit	Tấn	4.000
19	Than các loại	Tấn	8.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
20	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000

c) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách: Thực hiện theo quy định tại điểm IV, mục h, Chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo đó cấp nào quản lý thu thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

2. Quy định mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống:

a) Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân có xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu;

b) Mức thu lệ phí: 11% giá trị tài sản tính lệ phí trước bạ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế:

1. Khoản 2, khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND, ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; điểm 5 khoản III Điều 1 Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND, ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung, điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và một số loại phí áp dụng trên địa bàn tỉnh; khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND, ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Khoản 2, khoản 4 Điều 1 Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; điểm 3.5 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung, điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và một số loại phí áp dụng trên địa bàn tỉnh; khoản 3 Điều 1 Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tạm thời tỷ lệ phần trăm (%) mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

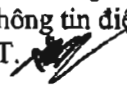
Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn